

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/10/2018

V/v Không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Dũng

2. Bà Tống Thị Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk không tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 481/2018/TLST-HNGĐ ngày 15/6/2018 về việc “Không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 21/9/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tạ Thị Hồng T, sinh năm 1972

Địa chỉ: 25B đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –Có mặt

- Bị đơn: Anh Lê Quang T1, sinh năm 1964.

Địa chỉ: 25B đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk –có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh anh Lê Quang T1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục từ năm 1994. Do chúng tôi không am hiểu về pháp luật về hôn nhân gia đình nên không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống chúng tôi sinh được 03 con chung là các cháu Lê Thị Thùy D –Sinh

ngày 17/7/1995; cháu Lê Nhã U –Sinh ngày 03/8/1999; Cháu Lê Quang S –Sinh ngày 31/4/2004. Chị và anh T1 chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính nhau. Anh T1 thường xuyên vắng nhà nên chúng tôi không có cơ hội gần gũi, tìm hiểu nguyện vọng của nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T1 là vợ chồng.

Về con chung: Cháu Lê Thị Thùy D và Lê Nhã U đã thành niên nên sống với ai là theo nguyện vọng của cháu. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu và Lê Quang S cho đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bị đơn anh Lê Quang T1 biết, sau khi nhận các thủ tục tố tụng của Tòa án thì anh T1 không đến Tòa án tham gia tố tụng mà có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án đã đi xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh T1 và chị T đang còn cư trú thì chính quyền địa phương cho biết anh T1 và chị T hiện nay đang cư trú tại địa phương, anh T1 và chị T sống chung với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn Căn cứ khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút, bổ sung, thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện mà vẫn giữ nguyên yêu cầu và yêu cầu Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Tạ Thị Hồng T khởi kiện bị đơn anh Lê Quang T1. Nơi cư trú: 25B đường Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết “Không công nhận là vợ chồng”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Hồng T và anh Lê Quang T1 chung sống với nhau từ năm 1994 không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên xác định đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của chị T đề nghị Tòa án không công nhận chị và

anh T1 là vợ chồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về con chung: Quá trình sống chung chị T và anh T1 có 03 con chung là cháu Lê Thị Thùy D – Sinh ngày 17/7/1995; cháu Lê Nhã U – Sinh ngày 03/8/1999; Cháu Lê Quang S – Sinh ngày 31/4/2004. Hiện nay cháu D và cháu U đã đủ 18 tuổi nên việc 02 cháu ở với ai là tùy các cháu quyết định Tòa án không xem xét, còn cháu S có nguyện vọng ở với chị T. Xét nguyện vọng xin nuôi con chung của Chị Tạ Thị Hồng T là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của cháu Sang và phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không đề cập tới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về phần tài sản chung, nợ chung: Không có nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[4]. Về phần án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ: khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

- *Áp dụng: Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;*

- *Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Chị Tạ Thị Hồng T

Tuyên bố: Không công nhận Chị Tạ Thị Hồng T và anh Lê Quang T1 là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Lê Quang S – Sinh ngày 31/4/2004 cho chị Tạ Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tạ Thị Hồng T không yêu cầu nên không đề cập tới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

* Về án phí: Chị Tạ Thị Hồng T phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ tạm ứng án phí do bà Lê Thị Thùy D đã nộp thay tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0007402 ngày 11/6/2018. Anh Lê Quang T1 không phải chịu án phí .

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai